

Phụ lục
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Địa phương	Chỉ tiêu phải hoàn thành giai đoạn 2025 - 2030	Chỉ tiêu giao giai đoạn 2025 - 2030 (Căn hộ)				
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	TỔNG CỘNG	1.073.845	158.723	207.998	199.900	201.300	205.550
1	Hà Nội	88.666	18.700	20.000	14.900	15.000	15.400
2	Hồ Chí Minh	194.297	28.500	38.157	38.200	38.200	38.200
3	Hải Phòng	43.539	6.700	7.200	6.150	6.200	6.600
4	Huế	11.800	3.200	2.300	1.500	1.600	2.000
5	Đà Nẵng	28.955	4.979	6.300	5.000	5.000	5.000
6	Cần Thơ	14.648	3.000	2.800	2.250	2.500	2.700
7	Tuyên Quang	3.000	170	634	600	700	750
8	Cao Bằng	1.500	200	300	300	300	400
9	Lào Cai	8.300	1.200	1.300	1.150	1.200	1.200
10	Thái Nguyên	24.800	3.422	5.294	5.000	5.000	5.000
11	Lạng Sơn	2.576	330	350	350	350	400
12	Sơn La	4.000	100	900	900	1.000	1.000
13	Điện Biên	1.500	0	300	300	400	500
14	Lai Châu	1.500	0	0	500	500	500
15	Phú Thọ	62.853	10.000	13.000	12.300	12.500	12.700
16	Hưng Yên	47.000	5.900	10.500	9.300	9.450	9.600

STT	Địa phương	Chỉ tiêu phải hoàn thành giai đoạn 2025 - 2030	Chỉ tiêu giao giai đoạn 2025 - 2030 (Căn hộ)				
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
17	Bắc Ninh	135.002	19.900	25.323	24.350	24.600	24.900
18	Ninh Bình	24.336	6.000	3.900	3.050	3.300	3.600
19	Quảng Ninh	17.588	2.770	2.967	3.850	2.800	3.000
20	Thanh Hóa	11.503	900	1.000	1.100	1.150	2.100
21	Nghệ An	26.825	2.000	5.800	5.800	5.900	5.900
22	Hà Tĩnh	3.548	688	510	600	800	750
23	Quảng Trị	24.100	788	5.670	5.700	5.700	5.800
24	Quảng Ngãi	8.356	1.000	1.700	1.800	1.800	1.800
25	Khánh Hòa	10.088	3.200	2.443	400	500	700
26	Đắk Lắk	38.007	3.900	7.900	7.950	8.000	8.000
27	Gia Lai	12.173	1.941	1.500	1.500	1.500	1.600
28	Lâm Đồng	14.502	1.787	1.400	2.150	2.150	2.150
29	Đồng Nai	64.690	8.032	9.850	14.200	14.200	14.200
30	Tây Ninh	80.240	13.500	15.700	15.700	15.800	15.800
31	Vĩnh Long	38.500	2.200	8.400	8.500	8.500	8.500
32	Đồng Tháp	13.697	2.000	2.500	2.500	2.600	2.600
33	An Giang	7.001	1.116	1.200	1.200	1.200	1.300
34	Cà Mau	4.755	600	900	850	900	900